

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN A, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân A, tỉnh Cà Mau

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân A, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 20, xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Chí N, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 19, xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Chí N chung sống với nhau trên cơ sở tự N có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống gần đây vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm tôn trọng với nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, do chung sống không có H phúc nên vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống lại được nữa nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Nhã Tr, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Trần Chí Th, sinh ngày 14/5/2015. Hiện tại bà đang nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Th. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Th, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Chí N vắng mặt không có lý do, đối với nguyên đơn bà Trần Mỹ

H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông N và bà H.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Mỹ H và ông Trần Chí N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N được xác lập hợp pháp, hai người tự N kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian gần đây giữa bà H và ông N đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, chung sống không có H phúc nên vợ chồng đã sống ly thân là thực tế có diễn ra. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay hai bên không thể dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hai bên thoả thuận hàn gắn nhưng không có kết quả, do ông N không tham gia hòa giải và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Từ những vấn đề nói trên, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho hai người được ly hôn là phù hợp. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có hai con chung là cháu Trần Nhã Tr, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Trần Chí Th, sinh ngày 14/5/2015. Cháu Tr và cháu Th hiện chưa thành niên (hiện đã trên 07 tuổi), hai cháu có N vọng được chung sống với mẹ là bà H, bà H đang nuôi dưỡng hai cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của hai cháu đã ổn định, do đó giao hai cháu cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai cháu mà không ai được cản trở. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông N không ai yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 08/4/2025, bà H nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007047 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Trần Mỹ H được ly hôn với ông Trần Chí N.

Về con chung: Giao cháu Trần Nhã Tr, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Trần Chí Th, sinh ngày 14/5/2015 cho bà Trần Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Nhã Tr và cháu Trần Chí Th mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Trần Mỹ H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 08/4/2025, bà Trần Mỹ H nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007047 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Mỹ H và ông Trần Chí N vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND ;
- CCTHADS ;
- UBND xã NP,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt